| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ DUYÊN HẢI**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 23-3-2018.
V/v tranh chấp về ly hôn,
nuôi con chung, chia tài sản chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Hoài Quốc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Lệ Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Thu

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã DH.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã DH, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã DH, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2018, về " Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần TO sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BĐ, xã TLH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh Phạm VD sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BĐ, xã TLH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Trần TO như sau:* Chị O và anh Phạm VD tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 09-8-2011 tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện DH (nay xã LT,thị xã DH). Sau khi kết hôn Chị O và anh D sống chung với gia đình anh D ở ấp BĐ, xã TLH, huyện DH (nay xã TLH, thị xã DH). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng 03 năm trở lại đây giữa Chị O và anh D xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh D tính tình thô lỗ thường xuyên đánh đập Chị O, trước đây Chị O làm đơn xin ly hôn tại Tòa, trong quá trình hòa giải Tòa động viên và anh D cũng cam kết sẽ không đánh đập Chị O, nhưng sau đó anh D

cũng tính nào tật nấy về chửi mắng và đánh đập Chị O, Chị O đã ly thân gần 05 tháng, trong quá trình ly thân anh D có lại thăm con nhưng cũng chửi mắng Chị O và còn hăm dọa đánh Chị O, do đó Chị O yêu cầu cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong quá trình sống chung Chị O và anh D có 02 người con chung: 1/ Phạm DK sinh ngày 15-4-2012, 2/ Phạm Thị BT sinh ngày 29-4-2013. Nay Chị O yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Thị BT, đối người con chung tên Phạm DK, Chị O đồng ý giao cho anh D nuôi dưỡng.

Về Cấp dưỡng nuôi con chung: chị O không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung tên BT cũng như chị O không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Duy Khánh.

Về tài sản chung: Chị O cho rằng trong quá trình sống chung với anh D có 01 tài sản chung là xe mô tô biển số 59 G1- 53166, hiện do ông TNTT đứng tên quyền sở hữu và anh chị mua lại của ông T nhưng chưa chuyển tên quyền sở hữu, chiếc xe này có giá trị 9.000.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm chị O rút yêu cầu chia tài sản chung này

*Theo biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn anh Phạm VD như sau:*Anh D thống nhất lời trình bày của Chị O về quan hệ hôn nhân với chị Trần TO, đối việc mâu thuẩn giữa anh với Chị O, anh D cũng thừa nhận trước đấy chị O có làm đơn ly hôn ra Tòa, trong quá trình hòa giải Tòa động viên và anh cũa cam kết sẽ không chửi cũng nhưng đánh Chị O nữa, tuy nhiên sau khi đoàn tụ sống chung anh D có 02 lần đánh Chị O, nhưng anh D cho rằng là do Chị O chửi anh, nên anh D tức giận nên mới đánh Chị O. Anh D vẫn còn thương Chị O nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Anh D thống nhất theo lời trình bày của Chị O về con chung.

Về tài sản chung: Anh D thống nhất anh D và Chị O có tài sản chung là xe mô tô biển số 59 G1- 53166, hiện do ông TNTT đứng tên quyền sở hữu, chiếc xe này anh D thống nhất có giá trị 9.000.000 đồng hiện do anh D quản lý sử dụng.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, nhận thấy việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ và đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ theo trình tự, thủ tục, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn; cấp tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ về nguyên tắc cơ bản khi giải quyết vụ án, thành phần Hội đồng xét xử và thư ký tòa án không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu ly hôn của chị Trần TO đối với anh Phạm VD là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này. Con chung có 02 người con chung: 1/ Phạm DK sinh ngày 15-4-2012, 2/ Phạm Thị BT sinh ngày 29-4-2013. Nay Chị O yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung này, phía anh D đồng ý, do đó yêu cầu Hội đồng xét xử giao 02 người con cho Chị O nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng Chị O yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi người con 01 tháng là 650.000 đồng, yêu cầu này anh D chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Đối việc rút yêu cầu của Chị O về việc chia tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu này và đình chỉ việc xét xử đối yêu cầu chia tài sản chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy đơn khởi kiện của chị Trần TO có nội dung yêu cầu ly hôn, tranh chấp con chung, chia tài sản chung với anh Phạm VD là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét Chị O yêu cầu ly hôn với anh D trong khi anh D có địa chỉ cư trú tại ấp BĐ, xã TLH, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh, do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã DH.

[3] Xét tại phiên tòa sơ thẩm Chị O rút yêu cầu chia tài sản chung là xe mô tô biển số 59 G1- 53166, việc rút yêu cầu này trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện của Chị O, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu này của Chị O và đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chi Oanh.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần TO. Hội đồng xét xử xét thấy Chị O và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân giữa Chị O và anh D là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị O và anh D xảy ra trước đây, Chị O có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã DH trong quá trình hòa giải anh D cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa chi Oanh và anh D xuất phát từ việc anh D có hành vi chửi mắng và đánh đập Chị O, anh D yêu cầu Tòa hòa giải đoàn tụ và anh D cam kết với Chị O là không đánh đập và chửi mắng Chị O. Chị O đồng ý nên rút đơn khởi kiện và về sống chung với anh D. Tuy nhiên anh D không giữ đúng cam kết với Chị O nên khi anh D và Chị O đoàn tụ sống chung không được một thời gian thì anh D vẫn bản chất thích bạo lực nên đã đánh đập Chị O 02 lần, việc anh D đánh Chị O, Chị O không báo chính quyền địa phương nhưng anh D thừa nhận là có đánh Chị O, từ việc anh D đánh Chị O cũng như với tính tình cộc cằn nên Chị O không thể sống chung chung với anh D nên đã ly thân với anh D tính đến ngày xét xử sơ thẩm khoảng 04 tháng, trong quá trình Chị O ly thân với anh D, anh D có đến nhà Chị O để thăm con tuy nhiên không thể hòa giải đoàn tụ với Chị O. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị O và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị O, cho Chị O được ly hôn anh D .

[5] Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Trần TO, thấy rằng Chị O và anh D có 02 người con chung: 1/ Phạm DK sinh ngày 15-4-2012, 2/ Phạm Thị BT sinh ngày 29-4-2013.Tại phiên tòa sơ thẩm Chị O yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung này, về phía anh D cũng thống nhất với ý kiến của Chị O, việc thỏa thuận nuôi con chung giữa Chị O và anh D là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm Chị O yêu cầu anh D cấp dưỡng cho mỗi người con chung 01 tháng là 650.000 đồng, yêu cầu này của Chị O được anh D thống nhất. Xét sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con chung giữa Chị O và anh D là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[8] Nợ chung: Chị O và anh D đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần TO, anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, 53,56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần TO. Cho chị Trần TO ly hôn với anh Phạm VD.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần TO về việc nuôi 02 người con chung: 1. Phạm DK sinh ngày 15-4-2012, 2/ Phạm Thị BT sinh ngày 29-4-2013.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Phạm VD cấp dưỡng cho 02 người con chung: 1. Phạm DK, 2/ Phạm Thị BT mỗi tháng là 650.000 đồng cho đến khi 02 người con chung tròn 18 tuổi

Anh Phạm Văn Dữ có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Đình chỉ việc xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Trần TO

5. Về án phí: Buộc chị Trần TO phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 525.000 đồng theo biên lai số 0011974 ngày 28-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã DH, do đó Chị O được nhận lại 225.000 đồng.

Buộc anh Phạm VD phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND thị xã DH;
- CCTHADS thị xã DH;
- UBND xã LT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Hoài Quốc**